**50 câu hỏi đáp pháp luật về tìm hiểu một số quy định về khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và quyền được bồi thường thiệt hại của nạn nhân của hành vi tra tấn**

**Câu 1: Nhận thấy mức đền bù đất bị thu hồi không thỏa đáng, 11 hộ gia đình ở thôn 3 xã X đã làm đơn khiếu nại gửi đến cơ quan có thẩm quyền. Các chủ hộ đều ký đầy đủ vào đơn và cử bác K (là trưởng họ) làm đại diện gửi đơn khiếu nại. Đề nghị cho biết trong thời hạn bao lâu kể từ ngày nhận được đơn thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải thụ lý và thông báo đến người khiếu nại, văn bản thông báo sẽ được gửi cho bác K hay từng gia đình?**

**Trả lời:**

Thời hạn thụ lý và gửi thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại năm 2011 (Nghị định số 124/2020/NĐ-CP).

Theo đó trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại mà không thuộc một trong các khiếu nại không được thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần hai phải thụ lý giải quyết. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung và cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại thì thụ lý khi trong đơn khiếu nại có đầy đủ chữ ký của những người khiếu nại và có văn bản cử người đại diện theo quy định. Trường hợp không thụ lý giải quyết thi phải nêu rõ lý do trong văn bản thông báo cho người khiếu nại.

Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thông báo việc thụ lý hoặc không thụ lý bằng văn bản đến người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến (nếu có) và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết. Trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung và cử người đại diện để thực hiện việc khiếu nại thì văn bản thông báo việc thụ lý hoặc không thụ lý được gửi đến một trong số những người đại diện.

**Câu 2: Đề nghị cho biết việc tiến hành xác minh nội dung khiếu nại được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc tiến hành xác minh nội dung khiếu nại được thực hiện theo quy định tại mục 2 chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP. Theo đó để tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thực hiện theo các cách thức như sau:

- Làm việc trực tiếp với người khiếu nại, người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại.

- Làm việc trực tiếp với người có quyền, lợi ích liên quan và người bị khiếu nại.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.

- Tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu, bằng chứng.

- Xác minh thực tế.

- Trưng cầu giám định.

- Làm việc với các bên có liên quan trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại.

- Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại.

- Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

- Tổ chức đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai.

**Câu 3: Khi làm việc trực tiếp với người khiếu nại để tiến hành xác minh nội dung khiếu nại thì phải lập biên bản làm việc. Đề nghị cho biết người khiếu nại có bắt buộc phải ký vào biên bản làm việc đó hay không?**

**Trả lời:**

Người giải quyết khiếu nại hoặc người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại sẽ làm việc trực tiếp và yêu cầu người khiếu nại hoặc người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan đến nhân thân, nội dung khiếu nại.

Nội dung làm việc được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung và có chữ ký của các bên. Trường hợp người khiếu nại không hợp tác, không làm việc, không ký vào biên bản làm việc thì biên bản được lấy chữ ký của người làm chứng hoặc đại diện chính quyền địa phương. Biên bản được lập thành ít nhất hai bản, mỗi bên giữ một bản.

Như vậy, nếu người khiếu nại không ký vào biên bản thì trong biên bản cần có chữ ký của người làm chứng hoặc đại diện chính quyền địa phương.

**Câu 4: Sau khi gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, chúng tôi nhận được thông báo sẽ có đối thoại trực tiếp với Chủ tịch. Đề nghị cho biết việc tổ chức đối thoại được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc tổ chức đối thoại được thực hiện theo quy định tại Điều 28Nghị định số 124/2020/NĐ-CP. Theo đó, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại. Người giải quyết khiếu nại lần hai là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở hoặc tương đương phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại.

Người chủ trì đối thoại phải tiến hành đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại và người có quyền, lợi ích liên quan. Người chủ trì đối thoại khi đối thoại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, bổ sung thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình. Người chủ trì đối thoại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới người tham gia đối thoại gồm người khiếu nại, người đại diện (trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung) người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan về thời gian, địa điểm, nội dung đối thoại.

Việc đối thoại được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham gia (ghi rõ người dự và người vắng mặt; trường hợp người khiếu nại không tham gia đối thoại thì ghi rõ có lý do hoặc không có lý do), nội dung, ý kiến của những người tham gia, những nội dung đã được thống nhất, nhũng vấn đề còn có ý kiến khác nhau và có chữ ký của các bên. Biên bản được lập thành ít nhất ba bản, mỗi bên giữ một bản.

**Câu 5: Xin hỏi quyết định giải quyết khiếu nại chỉ được gửi cho người khiếu nại hay còn gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP thì việc gửi quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện như sau:

* Đối với quyết định giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính: Nếu là quyết định giải quyết lần đầu thì gửi cho người khiếu nại, thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết khiếu nại; người giải quyết khiếu nại lần hai, người có quyền, nghĩa vụ liên quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định.

Nếu là quyết định giải quyết lần hai thì gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu; người có quyền, nghĩa vụ liên quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định.

- Đối với quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức:

Nếu là quyết định giải quyết lần đầu thì gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Nếu là quyết định giải quyết lần hai thì gửi cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu; người có quyền, nghĩa vụ liên quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được gửi cho Tổng Thanh tra Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Việc gửi quyết định thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.

**Câu 6: Gần đây đọc báo tôi thấy có đăng cả quyết định giải quyết khiếu nại của người dân. Đề nghị cho biết việc này do cơ quan, tổ chức nào thực hiện?**

**Trả lời:**

Công khai quyết định giải quyết khiếu nại là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại và được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29Nghị định số 124/2020/NĐ-CP.

Các hình thức công khai quyết định giải quyết khiếu nại bao gồm:

- Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác.

- Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại.

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

**Câu 7: Xin cho biết pháp luật có quy định cụ thể về thời hạn, số lần thực hiện thông báo quyết định giải quyết khiếu nại trên phương tiện thông tin đại chúng hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP thì việc thông báo quyết định giải quyết khiếu nại trên phương tiện thông tin đại chúng phải thực hiện như sau:

 - Các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm: báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử.

- Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm lựa chọn một trong các phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện việc thông báo.

Trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử thì phải công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

Số lần thông báo trên báo nói ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo hình ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo in ít nhất 02 số phát hành liên tục.

Thời gian đăng tải trên báo điện tử, trên cổng thông tin điện tử hoặc trên trang thông tin điện tử ít nhất là 15 ngày liên tục.

**Câu 8: Sau khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại đã hết trách nhiệm hay còn có trách nhiệm gì trong việc thi hành quyết định?**

**Trả lời:**

Trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Kể từ ngày quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để thực hiện hoặc có văn bản chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Văn bản chỉ đạo nêu rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thi hành; cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; nội dung, thời hạn phải thực hiện; việc báo cáo kết quả thực hiện với người giải quyết khiếu nại.

- Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tự mình hoặc giao cho cơ quan, tổ chức có liên quan thi hành hoặc cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật thì áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để xử lý kịp thời, nghiêm minh. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý.

**Câu 9: Người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại nếu có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại nếu có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại sẽ bị xử kỷ luật như sau:

1. Bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách khi có một trong những hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

- Bao che cho người bị khiếu nại.

- Đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

2. Bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo khi có một trong những hành vi cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại.

3. Bị kỷ luật bằng hình thức giáng chức hoặc cách chức khi có hành vi cố ý báo cáo sai lệch kết quả xác minh nội dung khiếu nại dẫn đến quyết định giải quyết khiếu nại sai gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người. Trường hợp người được giao nhiệm vụ xác minh không có chức vụ thì áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương.

**Câu 10: Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại sẽ bị xử lý kỷ luật như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại nếu có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại sẽ bị xử kỷ luật như sau:

1. Bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách khi có một trong những hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

- Bao che cho người bị khiếu nại.

- Đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

2. Bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo khi có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Cố ý không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với vụ việc khiếu nại đủ điều kiện thụ lý thuộc thẩm quyền.

- Cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc.

- Cố ý không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Bị kỷ luật bằng hình thức giáng chức hoặc cách chức khi có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Vi phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.

- Cố ý ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.

**Câu 11: Thời gian vừa qua trại tạm giam X có xảy ra tình trạng cấp phát tư trang, thực hiện chế độ ăn đối với người bị tam giữ chưa đảm bảo theo quy định. Đề nghị cho biết, những người bị tạm giam ở đây có quyền được khiếu nại về việc này hay không?**

 Một trong những quyền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam được pháp luật công nhận và bảo vệ là được bảo đảm chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế, sinh hoạt tinh thần, gửi, nhận thư, nhận quà, nhận sách, báo, tài liệu.

Chế độ ăn, ở, mặc và tư trang của người bị tạm giữ, người tạm giam được thực hiện theo quy định của Điều 27 và Điều 28 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.

Điều 44 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định người bị tạm giữ, người bị tạm giam và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có thể khiếu nại khi có căn cứ cho rằng cơ quan quản lý trại tạm giữ, trại tạm giam đã thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật về chế độ ăn, ở, mặc, tư trạng, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân.

**Câu 12. Đề nghị cho biết trong những trường hợp nào thì cơ quan có thẩm quyền sẽ không thụ lý giải quyết khiếu nại về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam?**

Những trường hợp khiếu nại về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam không được thụ lý giải quyết được quy định tại Điều 45 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, bao gồm:

- Quyết định, hành vi bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

- Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp, trừ trường hợp người khiếu nại là người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Người đại diện không có giấy tờ chứng minh về việc đại diện hợp pháp của mình.

- Thời hiệu khiếu nại đã hết.

- Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

**Câu 13. Trong quá trình bị tạm giam, T thấy cán bộ quản lý trại tạm giam có một số việc làm chưa đúng với nội quy, quy định và muốn gửi kiến nghị, khiếu nại cho cơ quan có thẩm quyền. Đề nghị cho biết cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết khiêu nại trog quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam?**

Theo quy định của Điều 46 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam gồm có:

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự khu vực, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trách nhiệm kiểm sát của mình.

-Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với việc giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới; quyết định giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên là quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Cơ quan, người có thẩm quyền trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam nhận được đơn khiếu nại quy định tại Điều 44 của Luật này, thì phải chuyển khiếu nại của người bị tạm giữ, người bị tạm giam cho Viện kiểm sát nhân dân trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại.

**Câu 14. Viện kiểm sát nhân dân có những quyền hạn, nhiệm vụ gì trong giải quyết khiếu nại về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam?**

Điều 49 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định quyền hạn, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết khiếu nại về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam như sau:

- Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi bị khiếu nại.

- Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại.

- Thông báo bằng văn bản về việc thụ lý khiếu nại và gửi quyết định giải quyết cho người khiếu nại và người bị khiếu nại.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của mình.

**Câu 15. Người khiếu nại có quyền và nghĩa vụ gì trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam?**

Điều 47 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam như sau:

***1. Người khiếu nại có các quyền:***

- Tự mình khiếu nại hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại; Người khiếu nại được trực tiếp khiếu nại hoặc gửi đơn khiếu nại thông qua cơ quan, người có thẩm quyền trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Rút khiếu nại trong bất kỳ thời gian nào của quá trình giải quyết khiếu nại.

- Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại.

- Tiếp tục khiếu nại trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

***2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ:***

- Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó.

- Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

**Câu 16. Thời hạn để cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam được thực hiện như thế nào?**

Người bị tạm giữ, người bị tạm giam có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Khi tiếp nhận đơn thư khiếu nại, người có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn quy định tại Điều 50 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015. Cụ thể như sau:

- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu trong quản lý, thi hành tạm giữ là 02 ngày, trong quản lý, thi hành tạm giam là 05 ngày kể từ ngày thụ lý khiếu nại.

- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai trong quản lý, thi hành tạm giữ là 03 ngày, trong quản lý, thi hành tạm giam là 10 ngày kể từ ngày thụ lý khiếu nại.

- Trường hợp cần thiết, đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày trong quản lý, thi hành tạm giữ, không quá 20 ngày trong quản lý, thi hành tạm giam kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại.

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định giải quyết khiếu nại, người ra quyết định giải quyết khiếu nại có trách nhiệm gửi quyết định cho người khiếu nại và người bị khiếu nại.

**Câu 17. Trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam được thực hiện như thế nào?**

Điều 52 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam như sau:

Sau khi thụ lý khiếu nại, Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu tiến hành xác minh, yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại; làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại và ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật nếu trong thời hiệu do Luật này quy định người khiếu nại không khiếu nại tiếp.

 **Câu 18. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện X, anh P đã gửi đơn khiếu nại lần hai đến Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Xin cho biết trình tự giải quyết khiếu nại lần hai trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam được thực hiện như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, người khiếu nại có quyền tiếp tục khiếu nại trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

 Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam được quy định tại Đièu 54 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, cụ thể như sau:

- Trường hợp tiếp tục khiếu nại thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo bản sao quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

- Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai có quyền yêu cầu Viện kiểm sát giải quyết khiếu nại lần đầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại; làm việc với người bị khiếu nại, người khiếu nại khi cần thiết; xác minh, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để giải quyết khiếu nại. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nhận được yêu cầu phải thực hiện đúng các yêu cầu đó. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật.

 **Câu 19. Xin hỏi người tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam có những quyền và nghĩa vụ như thế nào?**

Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam được quy định tại Điều 57 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, cụ thể như sau:

***\* Người tố cáo có các quyền:***

- Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền.

- Yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của mình.

- Yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù.

***\* Người tố cáo có các nghĩa vụ:***

- Trình bày trung thực về nội dung tố cáo.

- Nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật.

 **Câu 20. Xin hỏi người bị tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam có những quyền và nghĩa vụ như thế nào?**

Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam được quy định tại Điều 58 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, cụ thể như sau:

***\* Người bị tố cáo có các quyền:***

- Được thông báo về nội dung tố cáo.

- Đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật.

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, được khôi phục danh dự, nhân phẩm, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo không đúng gây ra.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tố cáo sai sự thật.

***\* Người bị tố cáo có các nghĩa vụ:***

- Giải trình về hành vi bị tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu.

- Chấp hành quyết định giải quyết tố cáo của cơ quan, người có thẩm quyền.

- Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

**Câu 21. Đề nghị cho biết việc phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 37/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, việc phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sựđược thực hiệntrên cơ sở đề xuất của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 37/2018/NĐ-CP.

Quyết định phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục phải gửi ngay cho người được phân công trực tiếp giám sát, giáo dục, người được giám sát, giáo dục và cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

Một người có thể được phân công trực tiếp giám sát, giáo dục nhiều người nhưng không quá 03 người trong cùng một thời điểm.

**Câu 22. Thông báo về việc thi hành biện pháp giám sát giáo dục được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 8 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định thực hiện như sau: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập người được giám sát, giáo dục; mời cha, mẹ hoặc người giám hộ của người được giám sát, giáo dục, người trực tiếp giám sát, giáo dục và Công an cấp xã để thông báo về việc thi hành biện pháp giám sát, giáo dục.

Nội dung thông báo về việc thi hành biện pháp giám sát, giáo dục gồm:

- Thông báo quyền và nghĩa vụ của người được giám sát, giáo dục;

- Giới thiệu người trực tiếp giám sát, giáo dục; trách nhiệm của người trực tiếp giám sát, giáo dục;

- Trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp thực hiện biện pháp giám sát, giáo dục.

Thông báo về việc thi hành biện pháp giám sát, giáo dục phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ thi hành biện pháp giám sát, giáo dục.

**Câu 23. Việc xây dựng Báo cáo thu thập thông tin, xác định các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 9 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định như sau:

Ngay sau khi nhận Quyết định phân công trực tiếp giám sát, giáo dục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người trực tiếp giám sát, giáo dục phải tiến hành ngay các công việc sau đây để xây dựng Báo cáo thu thập thông tin, xác định các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục:

- Gặp gỡ người được giám sát, giáo dục, cha, mẹ hoặc người giám hộ và những người khác để thu thập các thông tin liên quan đến nhân thân, sức khỏe, tâm lý, hoàn cảnh gia đình, điều kiện sống, quan hệ bạn bè và quá trình vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục;

- Phân tích các thông tin thu thập được để xác định các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục; các biện pháp giám sát, giáo dục cụ thể, các dịch vụ hỗ trợ để giúp họ phục hồi và phòng ngừa tái phạm.

Báo cáo thu thập thông tin, xác định các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và Điều kiện vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục được thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 37/2018/NĐ-CP.

**Câu 24. Anh C được giao nhận Quyết định phân công giám sát, giáo dục cháu A, để việc giám sát, giáo dục cháu A thay đổi hành vi lệch chuẩn và nhận thức pháp luật theo chuẩn mực. Đề nghị cho biết trách nhiệm của người giám sát, giáo dục sau khi được phân công?**

**Trả lời:**

Điều 10 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định phân công, người trực tiếp giám sát, giáo dục, căn cứ thời hạn giám sát, giáo dục và Báo cáo thu thập thông tin, xác định các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và Điều kiện vi phạm pháp luật quy định tại Điều 9 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP, người trực tiếp giám sát, giáo dục xây dựng dự thảo Kế hoạch giám sát, giáo dục theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 37/2018/NĐ-CP và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Kế hoạch, người trực tiếp giám sát, giáo dục tham khảo ý kiến, nguyện vọng của người được giám sát, giáo dục và cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó; chủ động liên hệ với các cơ sở cung cấp dịch vụ sẵn có ở địa phương, trao đổi với Trung tâm công tác xã hội và các cơ quan, tổ chức liên quan để bảo đảm tính phù hợp và khả thi của Kế hoạch.

Kế hoạch giám sát, giáo dục bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Các biện pháp giám sát, giáo dục cụ thể, các dịch vụ hỗ trợ cần thực hiện để khắc phục các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và Điều kiện vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp giám sát, giáo dục cụ thể; các cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ cần thiết; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp;

- Thời điểm bắt đầu thực hiện, thời điểm kết thúc các biện pháp giám sát, giáo dục cụ thể, các dịch vụ hỗ trợ;

- Các biện pháp giám sát, giáo dục cụ thể, các dịch vụ hỗ trợ cần có sự chỉ đạo, giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

**Câu 25. Pháp luật quy định như thế nào về lập, quản lý hồ sơ thi hành biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự?**

**Trả lời:**

Điều 11 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định như sau:

Công an cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập và quản lý hồ sơ thi hành biện pháp giám sát, giáo dục đối với người được giám sát, giáo dục.

Hồ sơ thi hành biện pháp giám sát, giáo dục gồm các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu trong hồ sơ ban đầu gồm các thông tin về lý lịch cá nhân của người được giám sát, giáo dục và bản sao quyết định áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền;

- Quyết định phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Biên bản thông báo về việc thi hành biện pháp giám sát, giáo dục quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Báo cáo thu thập thông tin, xác định các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và Điều kiện vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục quy định tại Điều 9 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Kế hoạch giám sát, giáo dục quy định tại Điều 10 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Cam kết của người được giám sát, giáo dục về việc chấp hành biện pháp giám sát, giáo dục quy định tại Điều 13 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Sổ theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch giám sát, giáo dục quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 14 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Báo cáo định kỳ hàng tháng của người trực tiếp giám sát, giáo dục về kết quả giám sát, giáo dục quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 14 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Biên bản trình diện quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, giáo dục quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp khiển trách, biện pháp hòa giải tại cộng đồng quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Các tài liệu khác có liên quan.

Ngoài các tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 37/2018/NĐ-CP (trừ tài liệu quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 11), hồ sơ thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn còn có thêm các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu về việc vắng mặt tại nơi cư trú quy định tại Điều 22 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP (nếu có);

- Quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP;

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Nghị định 37/2018/NĐ-CP.

**Câu 26. Đề nghị cho biết nội dung và hình thức giám sát, giáo dục** **người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng?**

**Trả lời:**

Theo quy định Điều 12 Nghị định 37/2018/NĐ-CP nội dung và hình thức giám sát, giáo dục được quy định như sau:

\*Về nội dung giám sát, giáo dục:

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật;

- Trang bị các kỹ năng sống cơ bản; hỗ trợ học văn hóa, hướng nghiệp, học nghề, tìm việc làm;

- Tổ chức cho người được giám sát, giáo dục tham gia lao động tại cộng đồng với hình thức phù hợp;

- Các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, trẻ em là người làm chứng (quy định tại Điều 71 Luật Trẻ em) nhằm thúc đẩy việc phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

\*Hình thức giám sát, giáo dục:

- Yêu cầu người được giám sát, giáo dục làm cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giám sát, giáo dục;

- Hướng dẫn, động viên người được giám sát, giáo dục tham gia các lớp học về kỹ năng sống, học văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề;

- Thông báo cho gia đình người được giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành của người đó;

- Yêu cầu người được giám sát, giáo dục trình diện trước cơ quan có thẩm quyền.

**Câu 27. V phạm tội cố ý gây thương tích cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nhưng được miễn trách nhiệm hình sự do chưa đủ 18 tuổi và lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng. V được áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục trong trường hợp áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng. Để giúp V nhận ra lỗi lầm, pháp luật quy định V phải thực hiện nghĩa vụ cam kết gì nhằm khắc phục sai phạm?**

**Trả lời:**

Để giúp V nhận ra lỗi lầm và khắc phục sai phạm, hướng thiện hòa nhập cộng đồng, Điều 13 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định: Người được giám sát, giáo dục phải làm bản cam kết về việc chấp hành các nghĩa vụ và gửi cho người trực tiếp giám sát, giáo dục.

Nội dung cam kết gồm:

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy định của địa phương nơi cư trú; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; nghiêm túc sửa chữa sai phạm;

- Tham gia Chương trình học văn hóa, dạy nghề hoặc lao động do địa phương tổ chức phù hợp với Điều kiện, hoàn cảnh của mình;

- Tham gia các Chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

- Trình diện khi được yêu cầu.

- Ngoài các nội dung cam kết nêu trên, người được giám sát, giáo dục trong trường hợp áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng còn phải cam kết hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (nếu có).

Cam kết của người được giám sát, giáo dục phải có ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

**Câu 28. A 17 tuổi đang ở cùng gia đình và bị áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục tại xã B. Gia đình chuyển đến tỉnh B sinh sống, đề nghị cho biết trong trường hợp nơi cư trú của A thay đổi, pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

**Trả lời:**

Điều 19 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định việc thay đổi nơi cư trú của người được giám sát, giáo dục như sau: Trường hợp A được giám sát, giáo dục thay đổi nơi đăng ký thường trú hoặc theo gia đình di chuyển đến địa phương khác thì phải làm đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, trong đó ghi rõ lý do, nơi đến thường trú hoặc tạm trú. Đơn phải có ý kiến của người trực tiếp giám sát, giáo dục.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, báo cáo và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục để làm các thủ tục tiếp tục thi hành biện pháp giám sát, giáo dục tại nơi thường trú hoặc tạm trú mới.

**Câu 29. Chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn, được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 23 Nghị định 37/2018/NĐ-CP quy định như sau:

Khi nhận được đề nghị của người trực tiếp giám sát, giáo dục hoặc đơn đề nghị chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn của người được giám sát, giáo dục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Công an cùng cấp tổ chức cuộc họp xem xét việc đề nghị cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn chấm dứt thời hạn giáo dục cho người được giám sát, giáo dục.

Thành phần tham gia cuộc họp gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; người trực tiếp giám sát, giáo dục; đại diện Công an cấp xã; Ban bảo vệ trẻ em cấp xã; người được giám sát, giáo dục; cha, mẹ hoặc người giám hộ của người được giám sát, giáo dục.

Tại cuộc họp, người trực tiếp giám sát, giáo dục nhận xét về quá trình thực hiện nghĩa vụ của người được giám sát, giáo dục; người tham gia cuộc họp phát biểu ý kiến; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kết luận.

Trên cơ sở kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, công an cấp xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập hồ sơ đề nghị chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn, gửi cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Hồ sơ đề nghị gồm có:

- Đơn đề nghị chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn của người được giám sát, giáo dục;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn chấm dứt thời hạn giám sát, giáo dục cho người được giám sát, giáo dục;

- Bản nhận xét về quá trình thực hiện nghĩa vụ của người được giám sát, giáo dục.

**Câu 30.** **K (16 tuổi) phạm tội hành hạ người khác nhưng được miễn trách nhiệm hình sự vì đây là tội ít nghiêm trọng và K bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn. Xin hỏi, sau khi chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, pháp luật quy định như thế nào về cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

**Trả lời:**

Điều 24 Nghị định 37/2018/NĐ-CP, việccấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trước khi hết thời hạn giám sát, giáo dục hoặc khi nhận được Quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn của cơ quan có thẩm quyền, người trực tiếp giám sát, giáo dục làm Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, giáo dục gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo kết thúc nhiệm vụ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, giáo dục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho người được giám sát, giáo dục theo Mẫu số 05c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 37/2018/NĐ-CP.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, sau khi chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, K được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 **Câu 31. Tôi được biết Luật Tố cáo hiện hành quy định về trường hợp vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn thời hạn giải quyết tố cáo. Xin hỏi, cách xác định vụ việc phức tạp được pháp luật quy định như thế nào?**

 **Trả lời:**

 Khoản 2 Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018 quy định: “Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày”. Trên cơ sở đó, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tố cáo hướng dẫn vụ việc phức tạp là vụ việc có một trong các tiêu chí sau đây:

- Tố cáo về một nội dung nhưng phải xác minh từ 02 địa điểm trở lên;

- Tố cáo có từ 02 nội dung phải xác minh trở lên;

- Nhiều người tố cáo về cùng một nội dung hoặc nội dung tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người;

- Tố cáo có yếu tố nước ngoài: người tố cáo ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài; hành vi bị tố cáo xảy ra ở nước ngoài; nội dung tố cáo phải xác minh ở nước ngoài;

- Nội dung tố cáo liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức;

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết tố cáo còn ý kiến khác nhau;

- Có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thời gian kiểm tra, xác minh, đánh giá hoặc tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

**Câu 32. Công dân có quyền tố cáo đối với những hành vi vi phạm pháp luật nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Tố cáo năm 2018, công dân có thể tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức bao gồm tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Như vậy, trên tinh thần mọi hành vi vi phạm pháp luật đều được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, người dân có quyền tố cáo bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào.

 Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Luật Tố cáo năm 2018:

 -*Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ* là tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của các đối tượng sau đây: (i) Cán bộ, công chức, viên chức; người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (ii) Người không còn là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian là cán bộ, công chức, viên chức; người không còn được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhưng đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (iii) Cơ quan, tổ chức.

 - *Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực* là tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào về việc chấp hành quy định của pháp luật, trừ hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

**Câu 33. Xin hỏi đơn tố cáo phải đáp ứng những điều kiện gì theo quy định pháp luật hiện hành?**

 **Trả lời:**

Trong trường hợp người tố cáo thực hiện quyền tố cáo bằng đơn tố cáo thì theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018, đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo.

 Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo

**Câu 34.** **Đề nghị cho biết quy định người tố cáo phải nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình nhằm mục đích gì?**

**Trả lời:**

Điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Tố cáo năm 2018 quy định người tố cáo có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân quy định tại Điều 23 của Luật này, trong đó có nội dung về họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo.

Quy định người tố cáo phải nêu rõ họ tên, địa chỉ và cách thức liên hệ nhằm mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền tố cáo. Người tố cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo, do vậy người tố cáo cần phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của mình. Trường hợp người tố cáo lợi dụng quyền tố cáo để cố ý tố cáo sai sự thật thì tùy tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh những trường hợp tố cáo mang tính xây dựng, tích cực thì cũng có không ít người lợi dụng quyền tố cáo để tố cáo sai sự thật, tố cáo tràn lan, không có căn cứ, gây phức tạp, mất đoàn kết nội bộ, làm tốn kém cả thời gian và công sức cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc xem xét, giải quyết.

**Câu 35. Theo quy định của pháp luật, trường hợp nào trong nội dung tố cáo không ghi rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo nhưng vẫn được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, xem xét giải quyết?**

**Trả lời:**

Điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Tố cáo năm 2018 quy định người tố cáo có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân quy định tại Điều 23 của Luật này, trong đó có nội dung về họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo. Đồng thời, khoản 1 Điều 25 Luật Tố cáo năm 2018 về tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo quy định: “*Khi nhận được thông tin có nội dung tố cáo nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo hoặc qua kiểm tra, xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo sử dụng họ tên của người khác để tố cáo hoặc thông tin có nội dung tố cáo được phản ánh không theo hình thức quy định tại Điều 22 của Luật này thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không xử lý theo quy định của Luật này”.* Như vậy, chỉ những tố cáo trong đó ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người tố cáo mới được cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 25 Luật Tố cáo năm 2018 quy định: “Trường hợp thông tin có nội dung tố cáo quy định tại khoản 1 Điều này có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tiến hành việc thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để tiến hành việc thanh tra, kiểm tra phục vụ cho công tác quản lý”. Như vậy, các cơ quan, tổ chức tiếp nhận tiến hành việc thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để tiến hành việc thanh tra, kiểm tra nhằm mục đích phục vụ cho công tác quản lý đối với những thông tin từ các tố cáo không ghi rõ họ, tên nhưng với điều kiện phải có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh.

**Câu 36. Đề nghị cho biết người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật thì bị xử lý kỉ luật theo hình thức nào?**

**Trả lời:**

Điều 22 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định về xử lý kỷ luật đối với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, cụ thể như sau:

*Thứ nhất,* hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo dẫn đến việc người tố cáo bị trả thù, trù dập.

*Thứ hai,* hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo;

- Cố ý không thụ lý tố cáo, không ban hành kết luận nội dung tố cáo; không quyết định xử lý tố cáo theo thẩm quyền hoặc không kiến nghị người có thẩm quyền xử lý tố cáo.

*Thứ ba,* hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

- Cố ý không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật gây mất ổn định, an ninh, trật tự xã hội;

- Cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu, làm mất hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc; bao che cho người bị tố cáo gây mất ổn định, an ninh, trật tự xã hội;

- Không áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo thuộc thẩm quyền làm cho người tố cáo bị trả thù, trù dập dẫn đến thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe với tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc bị chết.

**Câu 37. Pháp luật quy định như thế nào về cách thức giải quyết trường hợp người tố cáo không gửi đơn mà đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tố cáo trực tiếp?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018, trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận tố cáo. Người tố cáo có trách nhiệm tố cáo đến đúng địa chỉ tiếp nhận tố cáo mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo đã công bố.

**Câu 38. Tôi đã làm đơn tố cáo gửi đến cơ quan có thẩm quyền để tố cáo hành vi tham nhũng của một người và được cơ quan có thẩm quyền mời đến làm việc trực tiếp. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, xin hỏi pháp luật quy định như thế nào về làm việc trực tiếp với người tố cáo?**

**Trả lời:**

Điều 11 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định cụ thể về làm việc trực tiếp với người tố cáo như sau:

- Người giải quyết tố cáo, Tổ xác minh làm việc trực tiếp với người tố cáo; yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng mà họ có được để làm rõ nội dung tố cáo.

 Người tố cáo có trách nhiệm trình bày trung thực về nội dung tố cáo, hợp tác, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được.

- Nội dung làm việc với người tố cáo phải lập thành biên bản, có chữ ký của người tố cáo, người chủ trì làm việc với người tố cáo. Biên bản được lập thành ít nhất 02 bản, giao 01 bản cho người tố cáo (nếu người tố cáo có yêu cầu) và lưu 01 bản trong hồ sơ giải quyết tố cáo. Trường hợp người tố cáo không ký biên bản làm việc thì người chủ trì làm việc với người tố cáo và thành viên khác của Tổ xác minh ký biên bản và ghi rõ việc người tố cáo không ký. Biên bản làm việc thực hiện theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trường hợp không làm việc trực tiếp với người tố cáo vì lý do khách quan thì người giải quyết tố cáo, người ra quyết định thành lập Tổ xác minh hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung tố cáo.

 **Câu 39. Người giải quyết tố cáo cần phải thực hiện trách nhiệm gì trong tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo?**

 **Trả lời:**

 Điều 44 Luật Tố cáo năm 2018 quy định trách nhiệm của người giải quyết tố cáo trong tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo như sau:

 - Trên cơ sở kết luận nội dung tố cáo, căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, người giải quyết tố cáo xử lý như sau:

 + Đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, người giải quyết tố cáo xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kỷ luật, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra, áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật;

 + Đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, người giải quyết tố cáo xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật;

 + Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tố cáo cố ý tố cáo sai sự thật;

 + Đối với hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu của tội phạm thì có văn bản chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền.

 - Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp xử lý khác thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định khác của pháp luật có liên quan.

 - Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

 **Câu 40.** **Hồ sơ giải quyết tố cáo gồm những tài liệu gì?**

 **Trả lời:**

Điều 39 Luật Tố cáo năm 2018 quy định việc giải quyết tố cáo phải được lập thành hồ sơ.Căn cứ vào vụ việc cụ thể, hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo bao gồm:

 - Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo; báo cáo hoặc biên bản kiểm tra, xác minh thông tin cá nhân của người tố cáo, biên bản làm việc trực tiếp với người tố cáo để xác minh nội dung tố cáo;

 - Quyết định thụ lý tố cáo; văn bản giao xác minh nội dung tố cáo;

 - Biên bản xác minh; kết quả giám định, thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh;

 - Văn bản giải trình của người bị tố cáo; biên bản làm việc với người bị tố cáo về nội dung giải trình;

 - Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trong trường hợp giải quyết tố cáo giao cho người khác tiến hành xác minh nội dung tố cáo

 - Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo; quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo;

 - Kết luận nội dung tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo;

 - Quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo, văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý;

 - Các tài liệu khác có liên quan.

 Đối với việc giải quyết lại vụ việc tố cáo, hồ sơ bao gồm những tài liệu quy định nêu trên và các tài liệu sau đây:

 - Đơn tố cáo tiếp hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo tiếp; văn bản yêu cầu hoặc kiến nghị về việc giải quyết lại vụ việc tố cáo;

 - Kết luận nội dung giải quyết lại vụ việc tố cáo;

 - Quyết định xử lý của người giải quyết lại vụ việc tố cáo;

 - Các tài liệu khác có liên quan trong quá trình giải quyết lại vụ việc tố cáo.

 Hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo phải được đánh số thứ tự. Việc lưu trữ, khai thác, sử dụng hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm bí mật thông tin về người tố cáo.

**Câu 41. Bà H là giám đốc công ty X, bị cơ quan điều tra tạm giữ vì nghi ngờ bà có liên quan đến vụ án tham nhũng ở công ty. Trong quá trình điều tra, cơ quan có thẩm quyền đã trả tự do cho bà H do xác định bà không liên quan đến vụ án. Xin hỏi, bà H được bồi thường thiệt hại và được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp như thế nào?**

Theo Điều 29 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, cùng với việc bồi thường thiệt hại thì bà H còn được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác theo quy định sau đây:

- Khôi phục chức vụ (nếu có), việc làm và các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Khôi phục quyền học tập;

- Khôi phục tư cách thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

**Câu4 2. M là công chức làm việc tại cơ quan Y. Trong quá trình làm việc M bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc. Không đồng ý với quyết định thôi việc, M đã khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền. Sau khi điều tra, cơ quan có thẩm quyền kết luận hành vi buộc thôi việc đối với M là trái pháp luật. Xin hỏi, trường hợp này M có được phục hồi danh dự hay không? Nếu có, cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện phục hồi danh dự cho M?**

Khoản 1 Điều 31 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật, người bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trái pháp luật thì được phục hồi danh dự.

Theo đó trường hợp của M bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật nên M sẽ được phục hồi danh dự.

Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm chủ động thực hiện việc phục hồi danh dự cho M.

**Câu 43. Đề nghị cho biết Nhà nước không bồi thường đối với các thiệt hại nào?**

Theo Điều 32 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, các thiệt hại Nhà nước không có trách nhiệm bồi thường bao gồm:

- Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại;

- Thiệt hại xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù người thi hành công vụ đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép;

- Thiệt hại xảy ra trong hoàn cảnh người thi hành công vụ muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa trực tiếp lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải có hành động gây ra một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn chặn, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết thì thiệt hại được bồi thường là phần thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Ngoài các thiệt hại nêu trên, trong hoạt động tố tụng hình sự, Nhà nước không bồi thường các thiệt hại sau đây:

- Thiệt hại xảy ra trong trường hợp người bị truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

- Thiệt hại xảy ra do người bị thiệt hại khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu, vật chứng sai sự thật để nhận tội thay cho người khác hoặc để che giấu tội phạm;

- Thiệt hại xảy ra do người có hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu rõ ràng cấu thành tội phạm, bị khởi tố, truy tố trong vụ án hình sự được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nhưng vụ án đã được đình chỉ do người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố;

- Thiệt hại xảy ra do người bị khởi tố, truy tố, xét xử đúng với các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm khởi tố, truy tố, xét xử nhưng tại thời điểm ra bản án, quyết định thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự theo các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành và có hiệu lực sau ngày khởi tố, truy tố, xét xử.

Trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Nhà nước không bồi thường thiệt hại xảy ra khi người thi hành công vụ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đúng yêu cầu của người yêu cầu mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba. Người yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Trong hoạt động thi hành án dân sự, Nhà nước không bồi thường thiệt hại xảy ra khi người thi hành công vụ áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo đúng yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại. Người yêu cầu chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Câu 44. Sau khi khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất của mình, anh A được cơ quan có thẩm quyền xác định việc thu hồi đất của anh là vi phạm pháp luật. Anh A được xác định là người bị thiệt hại trực tiếp do hành vi thu hồi đất trái pháp luật. Khi anh A có yêu cầu bồi thường thì phải chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ gì?**

 **Trả lời:**

Điều 41 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định người bị thiệt hại trực tiếp khi có yêu cầu bồi thường thì hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm:

1. Văn bản yêu cầu bồi thường, gồm có các nội dung:

- Họ, tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (nếu có) của người yêu cầu bồi thường;

- Ngày, tháng, năm làm văn bản yêu cầu bồi thường;

- Hành vi gây thiệt hại của người thi hành công vụ;

- Mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế xảy ra và hành vi gây thiệt hại của người thi hành công vụ;

- Thiệt hại, cách tính và mức yêu cầu bồi thường;

- Đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường (nếu có);

- Đề nghị cơ quan giải quyết bồi thường thu thập văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường nhưng phải nêu rõ tên văn bản và địa chỉ thu thập văn bản đó trong trường hợp người yêu cầu bồi thường không có khả năng thu thập văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;

- Yêu cầu phục hồi danh dự (nếu có); Yêu cầu khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác (nếu có)).

2. Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường.

3. Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại.

4. Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).

**Câu 45. Đề nghị cho biết cách xác định các thiệt hại do tài sản bị xâm phạm được thực hiện như thế nào?**

Điều 3 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định cách xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm như sau:

- Về xác định giá thị trường của tài sản: Được xác định theo giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng trên thị trường và là giá giao dịch phổ biến trung bình trên thị trường của 03 tài sản đó do 03 cơ sở kinh doanh khác nhau trên thị trường cung cấp.

- Về xác định thị trường: Là thị trường trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi phát sinh thiệt hại thực tế.

Trường hợp thị trường cấp huyện nơi phát sinh thiệt hại thực tế không có tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng thì thị trường là thị trường cấp huyện gần nhất với nơi phát sinh thiệt hại thực tế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Về mức độ hao mòn của tài sản: Được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định.

- Về giá thị trường để sửa chữa, khôi phục lại tài sản bị hư hỏng: Được xác định theo giá giao dịch phổ biến trung bình trên thị trường cấp huyện để sửa chữa, khôi phục lại tài sản do 03 cơ sở dịch vụ sửa chữa, khôi phục khác nhau trên thị trường cung cấp.

Trường hợp không xác định được giá thị trường thì thực hiện định giá theo quy định của pháp luật về giá.

**Câu 46. Ông X phạm tội giết người và bị áp dụng hình phạt tù chung thân. Sau 20 năm chấp hành án phạt tù, ông X được minh oan. Xin hỏi, thiệt hại về tinh thần của ông X được tính như thế nào?**

Điểm b khoản 3 Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định, thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù được xác định là 05 ngày lương cơ sở cho 01 ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù.

Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định, khoảng thời gian làm căn cứ để xác định thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày người bị thiệt hại bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù đến ngày chấp hành xong biện pháp ngăn chặn hoặc được trả tự do hoặc đến ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Như vậy, đối với trường hợp của ông X, ông bị kết án oan sai thì Nhà nước sẽ có trách nhiệm bồi thường, trong đó có bồi thường thiệt hại về tinh thần. Theo các quy định nêu trên, thiệt hại về tinh thần của ông X sẽ được tính từ ngày ông bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù đến ngày ông được trả tự do. Mỗi một ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù được tính giá trị bằng 05 ngày lương cơ sở.

**Câu 47. Khi nhận quyết định giải quyết bồi thường, ông K thấy nội dung không đúng với nội dung mà các bên đã thương lượng. Xin hỏi ông K không nhận quyết định có được hay không?**

**Trả lời**

Theo quy định tại Điều 47 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 thì ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.

Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

Theo đó, hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày có biên bản về việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường mà người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định đình chỉ giải quyết bồi thường.

**Câu 48. Đề nghị cho biết khi nào thì người yêu cầu bồi thường được đề nghị hoãn giải quyết yêu cầu bồi thường? Trong thời hạn bao lâu thì cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định hoàn giải quyết bồi thường?**

Điều 49 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định nếu do ốm nặng có xác nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên hoặc có lý do chính đáng khác mà không thể tự mình tham gia vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường thì người yêu cầu bồi thường có thể đề nghị cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định hoàn giải quyết yêu cầu bồi thường.

Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định hoãn giải quyết bồi thường trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người yêu cầu bồi thường đề nghị cơ quan giải quyết bồi thường hoãn giải quyết yêu cầu bồi thường.

Thời hạn hoãn giải quyết yêu cầu bồi thường được xác định theo đề nghị của người yêu cầu bồi thường nhưng tối đa là 30 ngày, trừ trường hợp người yêu cầu bồi thường bị ốm nặng mà chưa thể tự mình tham gia vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường.

Quyết định hoãn giải quyết bồi thường phải nêu rõ lý do, thời hạn hoãn và phải được gửi cho người yêu cầu bồi thường, cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước có thẩm quyền và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Hết thời hạn hoãn giải quyết yêu cầu bồi thường thì Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định tiếp tục giải quyết bồi thường.

**Câu 49. Đề nghị cho biết việc phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại bằng hình thức trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai được thực hiện như thế nào?**

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định việc phục hồi danh dự bằng hình thức trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai được thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc kể từ ngày có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người bị thiệt hại về việc Nhà nước tổ chức thực hiện phục hồi danh dự. Trường hợp người bị thiệt hại đồng ý với nội dung trong thông báo thì cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thực hiện phục hồi danh dự

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự, Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm tổ chức trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm mời các thành phần tham gia buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai sau đây:

(i) Người bị thiệt hại, người đại diện theo pháp luật của người bị thiệt hại thuộc trường hợp phải có người đại diện theo pháp luật theo quy định của Bộ luật dân sự;

(ii) Đại diện lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; đại diện lãnh đạo cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau cùng gây thiệt hại;

(iii) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại;

(iv) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ hoặc chồng, cha, mẹ bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi của người bị thiệt hại;

(v) Người đại diện theo ủy quyền của người bị thiệt hại (nếu có), người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại (nếu có);

(vi) Đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị thiệt hại làm việc, học tập (nếu có); đại diện tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp mà người bị thiệt hại là thành viên (nếu có);

(vii) Đại diện cơ quan báo chí;

(viii) Các thành phần khác mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thấy cần thiết.

**Câu 50.** **Đề nghị cho biết việc phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại bằng hình thức đăng báo xin lỗi và cải chính công khai được thực hiện như thế nào?**

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định việc phục hồi danh dự bằng hình thức đăng báo xin lỗi và cải chính công khai được thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở trung ương có trách nhiệm đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo trung ương và 01 tờ báo địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở địa phương có trách nhiệm đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo cấp tỉnh tại địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại;

 Ngay sau khi đăng báo xin lỗi và cải chính công khai, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi tờ báo đó tới người bị thiệt hại và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại để niêm yết công khai tại trụ sở.